

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **07/2020/HS-ST**
Ngày 03 - 3 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Dịu

Ông Phạm Hồng Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST - HS ngày 17 tháng 02 năm 2020, đối với bị cáo:

Phạm Văn T - Sinh năm: 1981 tại Nam Định; Nơi đăng ký HKTT: xã V, huyện T, tỉnh Nam Định; Trú tại: Xóm 9/1, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Xuân T; Con bà: Trần Thị B; Có vợ là Ngô Thị M; Có 03 con: lớn sinh năm 2003; nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Chưa có

Nhân thân: Ngày 24/5/2010 bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 24 tháng án tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 6/12/2019 đến nay. Có mặt.

Người bị hại: Anh Phạm Văn Tr – Sinh năm: 1972

Nơi cư trú: Xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Có mặt

Người bào chữa : Bà Trần Thị Thủy - Trợ giúp viên - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2016, anh Phạm Văn Tr có mua 01 bộ cầu tự hành nhãn hiệu UNIC loại 3,6 tấn đã qua sử dụng. Qua quá trình sử dụng, đến đầu năm 2019 thì bộ phận mâm quay toa của bộ cầu bị dơ bi. Anh Tr đã đưa bộ cầu đến Gara sửa chữa ô tô của Trần Văn N - SN: 1988 ở xóm 9/1 xã V, huyện T để sửa chữa. Anh N đã tháo chiếc mâm toa gửi đến Công ty TNHH dịch vụ sửa chữa Mạnh Hùng ở địa chỉ 907 đường Tam Trinh, phường Yên sở, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội để sửa chữa. Sau khi sửa chữa xong, Công ty TNHH Mạnh Hùng đã gửi chiếc mâm toa về Gara ô tô Nam Phong của anh Trần Văn N để lắp lại cho anh Tr. Anh N nhận để ở ga ra của mình và chưa lắp vào bộ cầu.

Khoảng 13 giờ ngày 18 tháng 8 năm 2019 Phạm Văn T đã nảy sinh ý định sang Gara của anh N trộm cắp tài sản. T đi xe Mô tô BKS 18F8-8539 đến Gara rồi dừng xe sát tường bao nhà anh N. T trèo qua tường bao đi vào bếp nhà anh N rồi đi ra Gara thấy chiếc mâm toa máy cầu để gần cửa bếp. T đã bê chiếc mâm toa buộc lên xe rồi chở đến nhà chị Mai Thị C - SN: 1976 ở xóm 12B xã Xuân Kiên, huyện Xuân Trường làm nghề thu mua đồng nát để bán. Chị C bảo T đưa chiếc Mâm toa bỏ lên cân, cân được 43kg, chị C trả giá 7.000 đồng/kg rồi đưa cho T 300.000 đồng. T nhận tiền đi về. Chị C đã đưa chiếc Mâm toa cùng các loại sắt vụn khác đến để ở kho sắt vụn của chị Mai Thị Minh T – SN: 1974 ở cùng thôn cũng làm nghề thu mua đồng nát.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019 anh N kiểm tra phát hiện bị mất chiếc Mâm toa nên đã đến Công an xã Việt Hùng trình báo.

Cơ quan CSĐT đã tổ chức tìm kiếm nhưng chị T đã bán chiếc Mâm toa cùng với sắt vụn cho các nhà máy nấu sắt và không nhớ đã bán cho ai nên không tìm thấy.

Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Trục Ninh định giá chiếc Mâm toa có giá trị 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

Trong quá trình điều tra, anh Tr đề nghị buộc T phải bồi thường chiếc Mâm toa theo giá trị định giá là 15 triệu đồng.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Cáo trạng số 04/CT-VKS-KSĐT ngày 03 tháng 02 năm 2020 của VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” khoản 1 Điều 173 BLHS.

Đại diện VKSND huyện Trục Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản Cáo trạng nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS, xử phạt Phạm Văn T từ 12 - 15 tháng tù.

Trách nhiệm dân sự không đặt ra; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm bào chữa: Nhất trí với tội danh mà VKS đã truy tố. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không xác định được giá trị thật của tài sản; hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo; bị cáo đã tự nguyện bồi thường và bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; khoản 1 Điều 173 BLHS để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải và xin HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo sớm được đoàn tụ cùng gia đình, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Bị hại có mặt tại phiên tòa đã xác nhận bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Về hình phạt đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh đã thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố đều hợp pháp.

[2] Về quan điểm của người bào chữa, Đại diện VKS tại phần thủ tục tranh tụng tại phiên tòa: HĐXX thấy việc tranh luận, đối đáp đúng trình tự quy định của pháp luật, các bên đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi tranh tụng và đều giữ nguyên quan điểm của mình.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ đã trực tiếp xâm hại tới quyền sở hữu của công dân - là khách thể được Hiến pháp và Bộ luật hình sự ghi nhận và bảo vệ. Hành vi của bị cáo làm mất trật tự trị an tại địa phương và gây bất bình trong quần chúng nhân dân.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại CQCSĐT. Ngoài lời khai nhận của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo còn được

chứng minh bằng những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản ghi lời khai của người bị hại, người làm chứng; Kết luận định giá tài sản.

Từ những chứng cứ nêu trên, HĐXX thấy đã có đủ cơ sở để kết luận:

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo Phạm Văn T ngày 18/8/2019 đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” - Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Việc VKSND huyện Trực Ninh truy tố bị cáo Phạm Văn T về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS tại bản cáo trạng số 04/CT-VKS-KSĐT ngày 03 tháng 02 năm 2020 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Để đảm bảo trật tự pháp luật giáo dục phòng ngừa chung tình hình tội phạm, việc áp dụng biện pháp pháp lý - hình sự đối với bị cáo là điều cần thiết.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, xét nhân thân bị cáo - HĐXX thấy cần thiết phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc, tiếp tục cách ly bị cáo một thời gian mới đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục phòng ngừa chung tình hình tội phạm như đề nghị của Đại diện VKS là phù hợp.

[4] Tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào.

[5] Tình tiết giảm nhẹ TNHS: Khi quyết định hình phạt cũng cần cân nhắc tới các tình tiết: Bị cáo tại CQCSĐT cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo tỏ ra ăn ăn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường và bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. HĐXX thấy có thể quyết định mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Đại diện VKS đối với bị cáo để vừa thể hiện các nguyên tắc nhân đạo, công bằng của chính sách hình sự của Nhà nước, vừa đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo.

[6] Đối với chiếc xe Mô tô BKS 18F8-8539 mà bị cáo sử dụng để chở chiếc Mâm toa đi bán sau khi trộm cắp được là xe của chị Phạm Thị G (là em gái bị cáo) đã cho bị cáo sử dụng từ năm 2016, cuối năm 2019 chị G đã lấy lại bán cho một người ở huyện Giao Thủy nhưng không nhớ tên, tuổi, địa chỉ nên không thu hồi được để xử lý.

Chị Mai Thị C là người mua chiếc Mâm toa của T nhưng không biết là tài sản do T trộm cắp nên không phạm tội.

[7] Hình phạt bổ sung: HĐXX thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Trách nhiệm dân sự: Bị hại có mặt tại phiên tòa đã xác nhận bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm do vậy HĐXX không xem xét.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Phạm Văn T tháng 09 (**Chín**) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Án phí Hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định + huyện Trực Ninh;
- Công an huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã V, huyện T;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà